TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tiến Dũng
Ông Lê Mạnh Hậu

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Thị Trang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Nh, sinh năm: 1979 (có mặt)
Hộ khẩu thường trú: Ấp Bình H, xã Bình C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Chổ ở hiện nay: Khu dân cư số 2, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Xuân Th, sinh năm: 1971 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Ấp Bình H, xã Bình C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Nơi cư trú: Khu dân cư số 3, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Nh và ông Đỗ Xuân Th tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 06/10/2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và thường xuyên chửi mắng, đánh đập và bạo hành bà Nh cùng các con. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 02 năm. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng cũng không gặp nhau bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, bà Nh nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng và hiện bà Nh không còn tình cảm với ông Th, vì vậy bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Nh và ông Th có 05 người con chung tên là Đỗ Thái Hạ Y, sinh ngày 19/4/2004; Đỗ Thái Hiền H, sinh ngày 07/7/2006; Đỗ Thái Ngọc H, sinh ngày 23/5/2010; Đỗ Thái Hồng P, sinh ngày 24/8/2014 và Đỗ Thái Phúc T, sinh ngày 27/4/2016, hiện con đang ở với bà Nh.

Cháu Hạ Y đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Bốn người con còn lại chưa thành niên, khi ly hôn bà Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Xuân Th có ý kiến và yêu cầu như sau: Ông Th thống nhất như lời trình bày của bà Nh về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, ông Th thừa nhận ông có thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay cải vả với nhau, trong lúc cải vã bà Nh thường dùng lời lẽ xúc phạm ông và gia đình ông, tuy nhiên ông khẳng định ông không đánh đập vợ con như bà Nh trình bày. Tuy, hiện vợ chồng đang sống ly thân nhưng ông Th vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau chăm lo cho các con nhưng bà Nh không đồng ý. Nay, qua yêu cầu của bà Nh, ông Th không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà Nh.

Về con chung: Cháu Hạ Y đã thành niên, ông Th không yêu cầu giải quyết. Đối với các con chưa thành niên, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông Th đồng ý giao con cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Tại biên bản lấy lời khai các cháu Đỗ Thái Hiền H, Đỗ Thái Ngọc H, Đỗ Thái Phúc T và Đỗ Thái Hồng P trình bày: Hiện các cháu đang ở với mẹ từ khi ba mẹ ly thân đến nay, nay ba mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

4. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Côn Đảo nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Nh và ông Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình C, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 06/10/2006 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Th thường xuyên uống rượu, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa giải, khắc phục được dẫn đến vợ chồng sống ly thân đã hai năm nay. Từ đó có thể thấy, trong

cuộc sống vợ chồng giữa bà Nh và ông Th luôn tồn tại mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không những không hàn gắn mà còn trở nên trầm trọng, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của hai người tại địa phương. Tuy, quá trình giải quyết vụ án ông Th không muốn ly hôn nhưng trong thời gian qua ông Th cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà Nh và ông Th có 05 người con chung là Đỗ Thái Hạ Y, sinh ngày 19/4/2004; Đỗ Thái Hiền H, sinh ngày 07/7/2006; Đỗ Thái Ngọc H, sinh ngày 23/5/2010; Đỗ Thái Hồng P, sinh ngày 24/8/2014 và Đỗ Thái Phúc T, sinh ngày 27/4/2016.

Cháu Hạ Y đã thành niên, bà Nh và ông Th không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Đối với các con chưa thành niên, bà Nh yêu cầu được nuôi dưỡng con, ông Th cũng chấp nhận yêu cầu của bà Nh và theo nguyện vọng của các cũng muốn ở với bà Nh. Do vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao các con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nh yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000đồng (mỗi cháu 750.000đồng/tháng). Xét mức cấp dưỡng mà bà Nh yêu cầu đối với mỗi con là phù hợp với khả năng thực tế của ông Th và nhu cầu thiết yếu của các con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nh, buộc ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng 3.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nh và ông Th xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, bà Nh phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho bà Thái Thị Nh ly hôn với ông Đỗ Xuân Th.

2. Về nuôi con chung:

- Cháu Đỗ Thái Hạ Y đã thành niên, bà Nh và ông Th không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Giao 04 con chung chưa thành niên là các cháu: Đỗ Thái Hiền H, sinh ngày 07/7/2006; Đỗ Thái Ngọc H, sinh ngày 23/5/2010; Đỗ Thái Hồng P, sinh ngày 24/8/2014 và Đỗ Thái Phúc T, sinh ngày 27/4/2016 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con mỗi tháng là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

Sau khi ly hôn, bà Nh và ông Th đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh và ông Th xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Thái Thị Nh phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012106 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Bà Nh đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Đỗ Xuân Th không chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- UBND xã Bình Châu, H. Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT;
(GCNKH số 73, quyển số 01 ngày 06/10/2006)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Dung